

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 01/2025/DS-ST
Ngày: 02 – 01 – 2025
V/v: “Tranh chấp hụi”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Như.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đoàn Thị Sim.

Ông Nguyễn Minh Trọn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lữ Tấn Thiên là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 02 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 446/2024/TLST-DS ngày 02 tháng 10 năm 2024 về: “Tranh chấp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 422/2024/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đoàn Thị N, Sinh năm 1969. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp S, xã V, huyện P, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Ông Huỳnh Văn M, S năm 1973. (Vắng mặt)

Bà Huỳnh Hồng D, Sinh năm 1975. (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp S, xã V, huyện P, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 26/9/2024 nguyên đơn bà Đoàn Thị N trình bày: Vợ chồng ông M và bà D có tham gia hụi do bà làm chủ cụ thể như sau:

Hụi 1.000.000 đồng, mở ngày 15/9/2013 âm lịch, gồm 41 chân, tháng khui 01 lần vào ngày 15 hàng tháng, cò hụi 700.000 đồng, ông M và bà D tham gia 02 chân tại số thứ tự số 14, 15 tên “Miền”. Ông M và bà D đã hót 02 chân. Sau khi hót hụi ông M và bà D còn nợ 21 kỳ hụi chết với số tiền 42.000.000 đồng, hụi mãi vào ngày 15/12/2016.

Hụi 1.000.000 đồng, mở ngày 25/7/2014 âm lịch, gồm 39 chân, tháng khui 01 lần vào ngày 25 hàng tháng, cò hụi 700.000 đồng, ông M và bà D tham gia 02 chân tại số thứ tự số 6, 7 tên “Miền”. Ông M và bà D đã hốt 02 chân. Sau khi hốt hụi ông M và bà D còn nợ 29 kỳ hụi chết với số tiền 58.000.000 đồng, hụi mãn vào ngày 25/9/2017.

Ngoài ra, trong khi đóng ông M và bà D còn nợ của các dây hụi trên là 15.000.000 đồng. Sau đó, bà và ông M, bà D có gặp nhau chốt nợ. Ông M và bà D thống nhất còn nợ 115.000.000 đồng. Đến năm 2015 bà D đã trả được 52.000.000 đồng. Nay yêu cầu ông M và bà D thanh toán 63.000.000 đồng.

Tại Biên bản làm việc ngày 07/11/2024 ông Huỳnh Văn M trình bày: Trong thời gian vợ chồng chung sống thì việc tham gia chơi hụi với bà N đều do bà D trực tiếp giao dịch với bà N. Việc tham gia hụi do bà D đóng hụi và hốt hụi, mọi vấn đề về hụi thì ông không biết. Thời gian chung sống thì ông làm thuê có tiền thì về đưa cho bà D quản lý và lo mọi chi tiêu trong gia đình. Bà D có tham gia chơi hụi và hốt hụi bà N hay không thì ông cũng không biết do tiền bạc đều do bà D quản lý. Ông và bà Huỳnh Hồng D đã ly hôn theo Quyết định công nhận sự thoả thuận của Toà án nhân dân huyện Phú Tân số 106/2024/QĐST-HNGĐ ngày 27/6/2024. Ông xác định trong đây là khoản nợ riêng bà D nên ông không đồng ý cùng với bà D liên đới thanh toán nợ cho bà N.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do và không cung cấp tài liệu, chứng cứ hay ý kiến đối với nội dung khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa:

- Bà N trình bày: Vẫn giữ nguyên quan điểm khởi kiện.

- Ông M trình bày: Khi bà D tham gia hụi của bà N thì ông không biết nhưng đến khi bà D không đóng hụi bà N đến nhà yêu cầu đóng tiền hụi chết khi đó ông mới biết. Ông xác định chữ ký “Miền” trong giấy chốt hụi là của bà D và bà D còn nợ tiền hụi bà N 63.000.000 đồng là đúng sự thật. Mặc dù, khi hốt hụi vợ chồng chưa ly hôn nhưng bà D hốt hụi và sử dụng số tiền hốt hụi vào việc gì thì ông không biết, ông xác định bà D đã sử dụng tiền hốt hụi vào mục đích cá nhân không phải dùng vào việc chi tiêu trong gia đình nên đây là khoản nợ riêng của bà D và không đồng ý cùng với bà D liên đới trách nhiệm thanh toán nợ cho bà N.

- Bà D vắng mặt không có ý kiến trình bày khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Đoàn Thị N khởi kiện ông Huỳnh Văn M và bà Huỳnh Hồng D về tranh chấp hụi nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Huỳnh Văn M và bà Huỳnh Hồng D cư trú tại ấp S, xã V, huyện P, tỉnh Cà Mau nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Bà Huỳnh Hồng D là bị đơn đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần hai để tham gia phiên toà nhưng vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà D.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn cung cấp giấy chốt hụi thể hiện: “hụi khai ngày 15/9/2013 còn nợ 42.000.000 đồng và hụi khai ngày 25/7/2014 còn nợ 58.000.000 đồng, các dây hụi còn nợ 15.000.000 đồng có xác nhận của bà D. Tổng nợ của hai dây hụi là 115.000.000 đồng. Nguyên đơn xác định bà D đã thanh toán 52.000.000 đồng”. Nay yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền hụi còn nợ 63.000.000 đồng. Tại phiên toà ông M xác định bà D có tham gia chơi hụi và hốt hụi bà N và bà D còn nợ bà N số tiền 63.000.000 đồng là đúng và chữ ký “Miền” trong giấy chốt hụi là của bà D. Tuy nhiên, trong thời gian chung sống thì ông đi làm thuê có tiền thì về đưa cho bà D quản lý và lo mọi chi tiêu trong gia đình. Ông xác định đây là khoản nợ riêng của bà D nên ông không đồng ý cùng với bà D liên đới thanh toán nợ cho bà N. Ông và bà D đã ly hôn theo Quyết định công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự số 106/2024/QĐST-HNGĐ ngày 27/6/2024 của Toà án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Đối với bà D quá trình Tòa án giải quyết vụ án bà không có ý kiến phản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử thấy rằng việc chơi hụi giữa các đương sự có lập danh sách hụi viên tuy không đăng ký, không được chứng thực của cơ quan có thẩm quyền nhưng theo lời trình bày của nguyên đơn tại đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa thể hiện khi bị đơn lĩnh hụi, nguyên đơn giao tiền hốt hụi trực tiếp cho bị đơn. Mặc dù, bà D đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do và trong thời gian giải quyết vụ án, bà D không đến Tòa án, không gửi văn bản ý kiến để phản bác hoặc phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh thời gian ngưng góp hụi cũng như số tiền hụi bị đơn còn nợ nguyên đơn là từ bỏ quyền, lợi ích hợp pháp của mình bởi theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự nghĩa vụ cung cấp chứng cứ chứng minh là của đương sự. Tuy nhiên, ông M thừa nhận việc nợ tiền bà N là đúng nhưng không đồng ý cùng với bà D liên đới trách nhiệm thanh toán nợ. Nhận thấy, tại Quyết định công nhận thuận

tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự số 106/2024/QĐST-HNGĐ ngày 27/6/2024 của Toà án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau nên thời điểm tham gia hội đến khi mãn hội thì ông M và bà D vẫn là vợ chồng hợp pháp nên phải cùng có trách nhiệm thanh toán nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân. Ông M cho rằng đây là khoản nợ riêng của bà D nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh. Từ đó, có cơ sở xác định việc bị đơn có tham gia hội do nguyên đơn làm chủ và còn nợ số tiền 63.000.000 đồng là thực tế có xảy ra. Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn số tiền hội còn nợ 63.000.000 đồng.

[3] Trường hợp bị đơn chậm thanh toán số tiền nêu trên, thì còn phải chịu tiền lãi theo quy định của pháp luật.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Toà án chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 471, Điều 468 Bộ luật Dân sự; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hội, biên, phường.

Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị N.

Buộc ông Huỳnh Văn M và bà Huỳnh Hồng D liên đới nghĩa vụ thanh toán cho bà Đoàn Thị N số tiền hội 63.000.000 đồng (Sáu mươi ba triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Huỳnh Văn M và bà Huỳnh Hồng D liên đới chịu số tiền 3.150.000 đồng.

- Bà Đoàn Thị N đã nộp tạm ứng án phí với số tiền 1.575.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0003859 ngày 01 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau, bà N được nhận lại toàn bộ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Thị Như